BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2005

KPMG

Công ty Cổ Phần Nhựa Tân Đại Hưng

Báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2005

Sao Y Bản Chính

Công ty Cổ Phần Nhựa Tân Đại Hưng
Thông tin về Công ty

Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh doanh	4103000955 4103000955-05	ngày 22 tháng 4 năm 20 ngày 24 tháng 1 năm 20
	Giấy Chứng Nhận Đăng ký Kinh doanh do Sở Kế hoạc Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.	
Hội đồng Quản trị	Phạm Trung Cang	Chủ tịch
	Nguyễn Tuấn Thiên Ân	Phó Chủ tịch (từ ngày 9 tháng 11 năm
	Hồ Quang Khánh	Thành viên (đến ngày 9 tháng 11 nă
	Trần Ngọc Thanh Hùng	Thành viên (từ 4 tháng 3 năm 2005)
	Đỗ Thị Quế Thanh	Thành viên
	Phan Văn Tư	Thành viên
	Tôn Hồng Minh	Thành viên
	Phạm Văn Mẹo	Thành viên (từ 4 tháng 3 năm 2005)
	Nguyễn Thị Thanh Loan	Thành viên (từ ngày 9 tháng 11 năm
	Nguyễn Thanh Hùng	Thành viên (từ ngày 9 tháng 11 năm
Ban Giám đốc	Phạm Trung Cang	Tổng Giám đốc
Trụ sở đăng ký	373C Nguyễn Sơn Phường Phú Thạnh Quận Tân Phú Thành phố Hồ Chí Minh Việt Nam	
Đơn vị kiểm toán	Công ty TNHH KPMG Việt Nam	

KPMG Limited
10th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Hue Street
District 1, Ho Chi Minh City
The Socialist Republic of Vietnam

Telephone +84 (8) 821 9266
Fax +84 (8) 821 9267
Internet www.kpmg.com

BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN ĐỘC LẬP

Kính gửi các Chủ đầu tư
Công ty Cổ Phần Nhựa Tân Đại Hưng

Phạm vi kiểm toán

Chúng tôi đã kiểm toán các báo cáo đính kèm của Công ty Cổ Phần Nhựa Tân Đại Hưng ("Công ty") bao gồm bảng cân đối kế toán vào ngày 31 tháng 12 năm 2005, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc cùng ngày, được trình bày từ trang 3 đến trang 21. Việc lập và trình bày các báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính này dựa trên việc kiểm toán của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và các Chuẩn mực Kiểm toán Quốc tế được Việt Nam chấp thuận. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để có được sự bảo đảm hợp lý rằng các báo cáo tài chính không chứa đựng các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các giải trình trên báo cáo tài chính. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và các ước tính trọng yếu của Ban Giám đốc, cũng như việc đánh giá cách trình bày tổng quát của các báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến kiểm toán

Theo ý kiến chúng tôi, các báo cáo tài chính đã phản ánh hợp lý, trên tất cả các phương diện trọng yếu, về tình hình tài chính của Công ty Cổ Phần Nhựa Tân Đại Hưng tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2005, kết quả hoạt động kinh doanh và các báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các nguyên tắc kế toán được áp dụng rộng rãi tại Việt Nam.

KPMG Limited

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam
Giấy phép Đầu tư số: 863/GP
Báo cáo kiểm toán số: 05-01-265

MSDN: 3542 - D.T.N.NG
CHI NHÁNH CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN KPMG
QUẬN 1 TP. HỒ CHÍ MINH

John T. Ditty
Chứng chỉ Kiểm toán viên số N0555/KTV
Phó Tổng Giám đốc

Phan Thanh Bình
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0599/KTV

Thành phố Hồ Chí Minh, 25 JUL 2006

KPMG Limited, a company licensed under the Law on Foreign Investment in Vietnam, is a member of KPMG International, a Swiss cooperative.

Công ty Cổ Phần Nhựa Tân Đại Hưng
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2005

	Mã số	Thuyết minh	2005 VNĐ'000	2004 VNĐ'000
TÀI SẢN				
Tài sản lưu động	**100**		**93.957.829**	**74.408.429**
Tiền và các khoản tương đương tiền	**110**	**3**	**8.225.579**	**2.076.094**
Tiền mặt	111		8.225.579	2.076.094
Các khoản phải thu – ngắn hạn	**130**	**4**	**40.093.948**	**29.571.763**
Khoản phải thu - thương mại	131		38.615.811	27.386.707
Trả trước cho nhà cung cấp	132		1.172.085	88.307
Khoản phải thu khác	138		306.052	2.096.749
Hàng tồn kho	**140**	**5**	**40.416.785**	**39.046.375**
Hàng tồn kho	141		40.416.785	39.046.375
Tài sản ngắn hạn khác	**150**		**5.221.517**	**3.714.197**
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		30.864	61.618
Thuế phải thu	152	6	5.190.653	3.652.579
Tài sản dài hạn	**200**		**34.391.768**	**34.241.258**
Tài sản cố định	**220**		**34.246.175**	**34.003.800**
Tài sản cố định hữu hình	221	7	34.172.559	33.907.667
Nguyên giá	222		48.858.801	42.879.547
Khấu hao lũy kế	223		(14.686.242)	(8.971.880)
Tài sản cố định vô hình	227	8	13.733	96.133
Nguyên giá	228		164.800	164.800
Phân bổ lũy kế	229		(151.067)	(68.667)
Xây dựng cơ bản dở dang	230		59.883	-
Tài sản dài hạn khác	260		**145.593**	**237.458**
Chi phí trả trước dài hạn	261	9	41.965	237.458
Tài sản thuế hoãn lại	262	10	103.628	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	**270**		**128.349.597**	**108.469.687**

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 21 là bộ phận hợp thành báo cáo này

Công ty Cổ Phần Nhựa Tân Đại Hưng
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2005 (tiếp theo)

	Mã số	Thuyết minh	2005 VNĐ'000	2004 VNĐ'000
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ	**300**		**70.894.887**	**54.119.830**
Nợ ngắn hạn	**310**		**70.894.887**	**54.119.830**
Vay và nợ ngắn hạn	311	11	56.003.003	44.414.388
Khoản phải trả-thương mại	312		3.505.359	4.063.204
Tạm ứng từ khách hàng	313		-	53.951
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	12	869.772	93.823
Phải trả cho nhân viên	315		4.158.148	2.644.341
Chi phí trích trước	316	13	4.559.357	2.549.669
Khoản phải trả khác	319		1.799.248	300.454
VỐN CHỦ SỞ HỮU	**400**		**57.454.710**	**54.529.857**
Vốn chủ sở hữu	**410**		**57.454.710**	**54.529.857**
Vốn góp	411	14	28.600.000	28.600.000
Thặng dư vốn cổ phần	412	15	16.707.200	16.707.200
Lợi nhuận chưa phân phối	419		12.147.510	9.222.657
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	**430**		**128.349.597**	**108.649.687**

Người lập:

Người duyệt:

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN ĐẠI HƯNG

Nguyễn Thị Thanh Loan
Kế toán trưởng

Phạm Trung Cang
Tổng Giám đốc

25 JUL 2006

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 21 là bộ phận hợp thành báo cáo này

Công ty Cổ Phần Nhựa Tân Đại Hưng
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2005

	Mã số	Thuyết minh	2005 VNĐ'000	2004 VNĐ'000
Tổng doanh thu	**01**	**16**	**175.131.518**	**119.721.724**
Các khoản giảm trừ	**03**		-	(39.142)
Doanh thu thuần	**10**		**175.131.518**	**119.682.582**
Giá vốn hàng bán	**11**		**(143.436.420)**	**(97.626.075)**
Lợi nhuận gộp	**20**		**31.695.098**	**22.056.507**
Doanh thu hoạt động tài chính	21		187.220	114.309
Chi phí hoạt động tài chính	22	17	(2.622.767)	(1.321.478)
Chi phí bán hàng	24		(12.312.782)	(7.866.090)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		(6.370.954)	(4.981.900)
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	**30**		**10.575.815**	**8.001.348**
Kết quả từ các hoạt động khác	**40**			
Thu nhập khác	31		604.496	427.488
Chi phí khác	32		(66.480)	(512.384)
Lợi nhuận trước thuế	**50**		**11.113.831**	**7.916.452**
Thuế thu nhập doanh nghiệp	**51**	**18**	**(1.038.978)**	**-**
Lợi nhuận thuần sau thuế	**60**		**10.074.853**	**7.916.452**

Người lập:

Nguyễn Thị Thanh Loan
Kế toán trưởng

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN ĐẠI HƯNG

Người duyệt:

Phạm Trung Cang
Tổng Giám đốc

25 JUL 2006

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 21 là bộ phận hợp thành báo cáo này

Công ty Cổ Phần Nhựa Tân Đại Hưng
Báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2005

	Vốn góp VNĐ'000	Thặng dư vốn cổ phần VNĐ'000	Lợi nhuận chưa phân phối VNĐ'000	Tổng cộng VNĐ'000
Số dư ngày 1 tháng 1 năm 2004	28.600.000	16.707.200	7.026.205	52.333.405
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	7.916.452	7.916.452
Cổ tức	-	-	(5.720.000)	(5.720.000)
Số dư ngày 1 tháng 1 năm 2005	28.600.000	16.707.200	9.222.657	54.529.857
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	10.074.853	10.074.853
Cổ tức	-	-	(7.150.000)	(7.150.000)
Số dư ngày 31 tháng 12 năm 2005	28.600.000	16.707.200	12.147.510	57.454.710

Người lập:

Nguyễn Thị Thanh Loan
Kế toán trưởng

Người duyệt:

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN ĐẠI HƯNG

Phạm Trung Cang
Tổng Giám đốc

25 JUL 2006

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 21 là bộ phận hợp thành báo cáo này

Công ty Cổ Phần Nhựa Tân Đại Hưng
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2005

	Mã số	Thuyết minh	2005 VNĐ'000	2004 VNĐ'000
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận trước thuế	01		**11.113.831**	**7.916.452**
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao và phân bổ	02		5.992.255	5.202.560
Lỗ từ hoạt động đầu tư	05		-	119.552
Chi phí lãi vay	06		2.010.331	1.045.176
Lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		**19.116.417**	**14.283.740**
Tăng các khoản phải thu và tài sản ngắn hạn khác	09		(12.029.505)	(5.620.854)
Tăng hàng tồn kho	10		(1.370.410)	(22.560.050)
Tăng các khoản phải trả và nợ khác	11		4.660.836	1.484.175
			10.377.338	**(12.412.989)**
Lãi vay đã trả	13		(2.010.331)	(1.045.176)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã trả	14		(617.000)	-
Tiền thuần thu từ/(chi cho) hoạt động kinh doanh	20		**7.750.007**	**(13.458.165)**
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tăng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(6.039.137)	(2.880.438)
Thu từ thanh lý tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	22		-	403.826
Tiền chi cho hoạt động đầu tư	30		**(6.039.137)**	**(2.476.612)**

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 21 là bộ phận hợp thành báo cáo này

Công ty Cổ Phần Nhựa Tân Đại Hưng
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2005
(tiếp theo)

	Mã số	Thuyết minh	2005 VNĐ'000	2004 VNĐ'000
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Thu từ khoản vay ngắn hạn	33		11.588.615	21.131.652
Thanh toán cổ tức	36		(7.150.000)	(5.720.000)
Tiền thuần thu từ hoạt động tài chính	**40**		**4.438.615**	**15.411.652**
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	**50**		**6.149.485**	**(523.125)**
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	**60**		**2.076.094**	**2.599.219**
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	**70**	**3**	**8.225.579**	**2.076.094**

Người lập:

Nguyễn Thị Thanh Loan
Kế toán trưởng

Người duyệt:

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN ĐẠI HƯNG

Phạm Trung Cang
Tổng Giám đốc

25 JUL 2006

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 21 là bộ phận hợp thành báo cáo này

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các báo cáo tài chính đính kèm.

1. Hoạt động chính

Công ty Cổ Phần Nhựa Tân Đại Hưng là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam, với hoạt động chính là sản xuất và kinh doanh các sản phẩm bao bì bằng nhựa theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 4103000955 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh ("SKH&ĐT") cấp ngày 22 tháng 4 năm 2002 và điều chỉnh ngày 24 tháng 1 năm 2003 (sau đây được gọi là "Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh").

Tổng vốn cổ phần được duyệt của Công ty theo quy định trong Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh là 28.600 triệu VNĐ, bao gồm 28.600 cổ phiếu với mệnh giá của mỗi cổ phiếu là 1 triệu VNĐ.

Tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2005 Công ty có 880 nhân viên (2004: 801 nhân viên).

2. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập các báo cáo tài chính này.

(a) Cơ sở lập báo cáo tài chính

Các báo cáo tài chính trình bày bằng ngàn đồng Việt Nam ("VNĐ'000"), được lập phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các nguyên tắc kế toán được áp dụng rộng rãi tại Việt Nam.

Các báo cáo tài chính được lập trên cơ sở giá gốc. Các chính sách kế toán được Công ty áp dụng một cách nhất quán và phù hợp với các chính sách kế toán đã được sử dụng trong những năm trước, ngoại trừ những thay đổi về chính sách kế toán được trình bày ở thuyết minh 2(l).

(b) Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(c) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các khoản mục tài sản và công nợ có gốc bằng các đơn vị tiền khác với VNĐ được quy đổi sang VNĐ theo tỷ giá hối đoái của ngày kết thúc niên độ kế toán. Các giao dịch bằng các đơn vị tiền tệ khác VNĐ phát sinh trong năm được qui đổi sang VNĐ theo tỷ giá hối đoái xấp xỉ tỷ giá hối đoái qui định vào ngày giao dịch. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá đã và chưa thực hiện được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

(d) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(e) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(f) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá gốc trừ dự phòng giảm giá và dự phòng cho hàng lỗi thời. Dự phòng giảm giá và dự phòng cho hàng lỗi thời được lập dựa vào đánh giá của ban giám đốc về giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí liên quan ước tính để hoàn thành sản phẩm và cả chi phí bán hàng ước tính. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí liên quan phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung đã được phân bổ.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(g) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu và các loại thuế mua hàng không được hoàn lại và chi phí phân bổ trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và điều kiện làm việc hiện tại cho mục đích sử dụng đã định sẵn. Các khoản chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo trì và đại tu thường ghi nhận vào báo cáo hoạt động kinh doanh tại thời điểm phát sinh chi phí. Trong các trường hợp các khoản chi phí này thể hiện rõ sẽ mang lại thêm lợi ích kinh tế trong tương lai do việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt quá trạng thái hoạt động được đánh giá ban đầu thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

• nhà xưởng	3 - 10 năm
• máy móc và thiết bị	2 - 12 năm
• phương tiện vận chuyển	2 - 10 năm
• thiết bị văn phòng	3 - 5 năm

(h) Tài sản cố định vô hình

Phần mềm vi tính

Giá mua của phần mềm vi tính mới mà phần mềm vi tính này không là một bộ phận không thể tách rời với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm vi tính được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng hai năm.

(i) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng chưa được hoàn thành. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong xây dựng.

(j) Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn thể hiện dụng cụ. Dụng cụ được ghi nhận theo nguyên giá và phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong hai năm.

(k) Các khoản phải trả thương mại và phải trả khác

Các khoản phải trả thương mại và phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

(l) Thuế

Trong kỳ tài chính trước, thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hay lỗ của năm là thuế thu nhập hiện hành. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập tính thuế trong năm, sử dụng thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả không được ghi nhận trong bảng cân đối kế toán.

Trong năm, Công ty đã áp dụng Chuẩn mực Kế toán Việt Nam 17 – Thuế thu nhập doanh nghiệp và chính sách kế toán về thuế đã được thay đổi như sau:

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp số dư nợ trên bảng cân đối kế toán, dựa trên các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích thuế. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả được dự kiến sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ hiện thực được.

Sự thay đổi về chính sách kế toán này không ảnh hưởng đến lợi nhuận chưa phân phối đầu kỳ tại ngày 1 tháng 1 năm 2005 và các số liệu so sánh trình bày trong báo cáo của năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2004.

(m) Doanh thu

Doanh thu từ bán hàng hóa được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại.

(n) Các khoản thanh toán cho thuê hoạt động

Các khoản thanh toán cho thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp trực tuyến dựa vào thời hạn thuê. Các khoản ưu đãi đã nhận được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như một bộ phận hợp thành tổng chi phí thuê.

(o) Chi phí vay

Chi phí vay được ghi nhận vào chi phí trong năm khi phát sinh.

(p) Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán

Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán theo Hệ thống Kế toán Việt Nam được trình bày ở các thuyết minh liên quan trên báo cáo tài chính.

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

	2005 VNĐ'000	2004 VNĐ'000
Tiền mặt	14.291	11.010
Tiền gửi ngân hàng	5.032.688	2.065.084
Tiền đang chuyển	3.178.600	-
Tiền và các khoản tương đương tiền	8.225.579	2.076.094

Bao gồm trong tiền tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2005 có số ngoại tệ tương đương 7.828 triệu VNĐ (2004: 1.249 triệu VNĐ).

4. Khoản phải thu – ngắn hạn

Khoản phải thu khác bao gồm:

	2005 VNĐ'000	2004 VNĐ'000
Tạm ứng	213.327	93.949
Ký quỹ ngắn hạn	-	2.000.000
Phải thu khác	92.725	2.800
	306.052	2.096.749

5. Hàng tồn kho

	2005 VNĐ'000	2004 VNĐ'000
Hàng mua đang đi trên đường	628.531	1.230.078
Nguyên vật liệu	23.446.056	25.228.605
Sản phẩm dở dang	8.852.043	9.144.393
Thành phẩm	7.220.483	2.325.939
Hàng gửi đi bán	269.672	1.117.360
	40.416.785	39.046.375

6. Thuế phải thu

Thuế phải thu thể hiện thuế giá trị gia tăng được khấu trừ.

7. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà xưởng VNĐ'000	Máy móc thiết bị VNĐ'000	Phương tiện vận chuyển VNĐ'000	Thiết bị văn phòng VNĐ'000	Tổng cộng VNĐ'000
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	2.147.682	39.529.954	710.009	491.902	42.879.547
Tăng trong năm	-	5.910.206	-	69.048	5.979.254
Số dư cuối năm	2.147.682	45.440.160	710.009	560.950	48.858.801
Khấu hao lũy kế					
Số dư đầu năm	384.948	8.236.350	207.946	142.636	8.971.880
Khấu hao trong năm	311.367	5.195.677	121.149	86.169	5.714.362
Số dư cuối năm	696.315	13.432.027	329.095	228.805	14.686.242
Giá trị còn lại					
Số dư cuối năm	1.451.367	32.008.133	380.914	332.145	34.172.559
Số dư đầu năm	1.762.734	31.293.604	502.063	349.266	33.907.667

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2005 trong tài sản cố định hữu hình có tài sản với giá trị ghi sổ là 21.882 triệu VNĐ (2004: 31.293 triệu VNĐ) được sử dụng để thế chấp cho các khoản vay của Công ty.

8. Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm vi tính VNĐ'000
Nguyên giá	164.800
Phân bổ lũy kế	
Số dư đầu năm	68.667
Phân bổ trong năm	82.400
Số dư cuối năm	151.067
Giá trị còn lại	
Số dư cuối năm	13.733
Số dư đầu năm	96.133

9. Chi phí trả trước dài hạn

	Dụng cụ VNĐ'000
Số dư đầu năm	237.458
Phân bổ trong năm	(195.493)
Số dư cuối năm	41.965

10. Tài sản thuế hoãn lại

Tài sản thuế hoãn lại liên quan đến:

	2005 VND'000	2004 VND'000
Trợ cấp thôi việc	103.628	-

11. Vay và nợ ngắn hạn

	2005 VNĐ'000	2004 VNĐ'000
Vay ngắn hạn	56.003.003	44.414.388

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2005, khoản vay ngắn hạn được thế chấp bằng tài sản cố định có giá trị ghi sổ 21.882 triệu VNĐ (2004: 31.293 triệu VNĐ), nhà xưởng và quyền sử dụng đất của một công ty liên quan trị giá khoảng 101.757 triệu VNĐ (2004: 94.613 triệu VNĐ), tiền gởi tiết kiệm của một cổ đông và của một nhân viên là 8.859 triệu VNĐ (2004: VND27.743 triệu VNĐ). Khoản vay này chịu lãi suất năm từ 4,6% đến 6,0% (2004: 2,7% đến 3,2%).

12. Thuế và khoản phải nộp Nhà nước

	2005 VNĐ'000	2004 VNĐ'000
Thuế		
Thuế giá trị gia tăng	147.922	70.520
Thuế xuất nhập khẩu	23.303	23.303
Thuế thu nhập doanh nghiệp	525.506	-
Thuế khác	173.041	-
	869.772	93.823

13. Chi phí trích trước

	2005 VNĐ'000	2004 VNĐ'000
Trợ cấp thôi việc	1.381.703	1.319.522
Chi phí hoa hồng	1.216.565	1.036.705
Chi phí xuất khẩu	1.330.803	-
Chi phí khác	630.286	193.442
	4.559.357	2.549.669

14. Vốn góp

Vốn cổ phần đăng ký và đã góp như sau:

	2005 VNĐ'000	2004 VNĐ'000
Vốn đăng ký (28.600 cổ phiếu, một cổ phiếu mệnh giá 1.000.000VNĐ)	28.600.000	28.600.000
Cổ phiếu phát hành và đã trả	28.600.000	28.600.000

Vào ngày 9 tháng 11 năm 2005, Hội đồng quản trị Công ty quyết định kết chuyển thặng dư vốn cổ phần sang vốn góp bằng cách phát hành thêm 16.700 cổ phiếu. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2005, thủ tục kết chuyển này vẫn còn đang được thực hiện và Công ty chưa ghi nhận nghiệp vụ này.

Vào ngày 9 tháng 11 năm 2005, Hội đồng quản trị Công ty cũng quyết định phát hành thêm 1.400 cổ phiếu cho nhân viên với giá bằng mệnh giá, tổng giá trị tương đương 1.400 triệu VNĐ. Tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2005, việc đăng ký tăng vốn cổ phần bằng cổ phiếu phát hành thêm vẫn trong giai đoạn thực hiện. Công ty tạm thời ghi nhận khoản tiền này vào khoản phải trả khác.

15. Thặng dư vốn cổ phần

Số tiền chênh lệch giữa mệnh giá và giá phát hành cổ phiếu được ghi nhận là thặng dư vốn cổ phần.

16. Tổng doanh thu

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán được ghi trên hoá đơn không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

17. Chi phí hoạt động tài chính

	2005 VNĐ'000	2004 VNĐ'000
Lãi vay phải trả	2.101.331	1.045.176
Lỗ chênh lệch tỷ giá	521.436	276.302
	2.622.767	1.321.478

18. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	2005 VNĐ'000	2004 VNĐ'000
Chi phí thuế hiện hành	(1.142.606)	-
Thu nhập thuế hoãn lại (chênh lệch tạm thời)	103.628	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN")	(1.038.978)	-

(b) Đối chiếu thuế suất thực

		2005 VNĐ'000		2004 VNĐ'000
Lợi nhuận trước thuế		11.113.831		7.916.452
Thuế theo thuế suất thuế TNDN áp dụng cho Công ty	(25%)	(2.778.457)	(25%)	(1.979.113)
Chi phí không được khấu trừ thuế	(0.4%)	(147.590)	-	-
Thu nhập miễn thuế	16.0%	1.887.069	25%	1.979.113
Chi phí thuế TNDN	(9.4%)	(1.038.978)	-	-

(c) Thuế suất áp dụng

Theo Giấy phép Ưu đãi Thuế số 2445/UB-CNN do Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 18 tháng 7 năm 2002, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế TNDN bằng 25% lợi nhuận chịu thuế.

Theo Giấy phép Ưu đãi Thuế số 2445/UB-CNN Công ty được phép miễn thuế TNDN cho năm 2003 và năm 2004, và được giảm 50% thuế TNDN cho bốn năm tiếp theo (2005 đến 2008). Công ty được giảm thêm 20% thuế TNDN trong trường hợp tỷ lệ doanh thu xuất khẩu vượt quá 50% tổng doanh thu bán hàng trong năm.

(d) Thay đổi chính sách kế toán

Trong năm, Công ty thay đổi chính sách kế toán về thuế như trình bày trong Thuyết minh 2(l). Ảnh hưởng của việc thay đổi này như sau:

	2005 VNĐ'000	2004 VNĐ'000
Bảng cân đối kế toán		
Tăng tổng tài sản và lợi nhuận chưa phân phối do ghi nhận tài sản thuế hoãn lại	103.628	-
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh		
Tăng lợi nhuận thuần sau thuế do chênh lệch tạm thời	103.628	-

19. Chi phí kinh doanh và chi phí sản xuất theo yếu tố

	2005 VNĐ'000	2004 VNĐ'000
Chi phí nguyên vật liệu bao gồm trong chi phí sản xuất	87.938.395	72.896.974
Chi phí nhân công và nhân viên	25.937.954	18.277.913
Chi phí khấu hao và phân bổ	5.992.255	5.202.560
Dịch vụ thuê ngoài và các chi phí khác	42.251.552	14.096.618